TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNCHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bảnán số:**756**/2019/HNGĐ-ST Ngày: 24/10/2019 *V/v Tranh chấp Xin ly hôn*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tường**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông **Lê Văn Minh**

2.Ông **Lê Văn Nghĩa**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Thi**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

*Đại diện VKSND huyện Châu Thành:Bà **Lương Thị Trà My** -Kiểm sát viên*

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2019 về *"Tranh chấp Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BTA, xã BT, huyện CT, Tiền Giang

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BTA, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh U chung sống vợ chồng,có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 03/10/2002. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh U không trung thực trong vấn đề tiền bạc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống không hợp nhau đến năm 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Do mâu thuẫn kéo dài mặc dù cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn nên Chị L làm đơn xin ly hôn với anh U. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Đình P sinh năm 2002 và Nguyễn Đình P1 sinh năm 2007. Khi ly hôn Chị L xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung : không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải ngày 18/9/2019 anh Nguyễn Văn U trình bày:

Anh U không đồng ý ly hôn với Chị L lý do còn thương vợ con và không thể bỏ con được, anh có lỗi là 02 tháng nay đi khỏi nhà anh hứa sẽ khắc phục sửa đổi khuyết điểm. Về con chung 02 con tên Nguyễn Đình P sinh năm 2002 và Nguyễn Đình P1 sinh năm 2007. Anh U không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh xin trực tiếp nuôi dưỡng 01 cháu và không cần cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị L và anh U chung sống và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Bình Trưng, huyện Châu Thành,tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 03/10/2002 là hôn nhân hợp pháp. Nay Chị L xin ly hôn với anh U và anh U có địa chỉ cư trú tại ấp Bình Thới A, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, Tiền Giang nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,Tiền Giang. Bị đơn anh U đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh U.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh U nên đây là vụ án tranh chấp "Xin ly hôn" được xem xét giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh U lý do giữa Chị L và anh U phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh U không trung thực về tiền bạc, vợ chồng thường bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, hiện đã ly thân từ tháng 3/2019, giữa hai vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn. Anh U trình bày tại buổi hòa giải anh không muốn ly hôn vì anh còn thương vợ con và không nuốn bỏ con, anh hứa khắc phục sửa đổi để hàn gắn tình cảm với Chị L. Xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa Chị L và anh U đã có phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2019 và đã đến mức trầm trọng, hiện anh chị đã ly thân từ tháng 3/2019. Anh U có mặt tại buổi hòa giải nhưng tại phiên tòa anh vắng mặt, anh U trình bày anh không đồng ý ly hôn, nhưng anh không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm và vắng mặt tại các phiên tòa chứng tỏ anh không còn tình cảm và không quan tâm đến Chị L trong khi Chị L vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Tại biên bản xác minh của Tòa án ông Lê Văn Q là Trưởng ấp BTA, xã BT, CT, Tiền Giang cũng trình bày giữa anh U và Chị L phát sinh mâu thuẫn là do tranh chấp về tiền bạc, hiện tại vợ chồng sống ly thân. Do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa Chị L và anh U là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, nên xét thấy có cơ

sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung:

Anh U và Chị L có 02 con chung tên Nguyễn Đình P sinh năm 2002 và Nguyễn Đình P1 sinh năm 2007, Chị L xin trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/01 cháu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh U không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án cho ly hôn thì anh xin trực tiếp nuôi dưỡng một cháu và không cần cấp dưỡng nuôi con chung.

Do hai cháu P và P1 hiện sống với mẹ và có nguyện vọng sống với Chị L, đồng thời Chị L cũng có nghề nghiệp là công nhân. Thu nhập 6.000.000 đồng/tháng, nên cần giao hai cháu cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của các cháu tại bản tự khai và không làm ảnh hưởng cuộc sống ổn định của các cháu, đảm bảo điều kiện cho các cháu phát triển toàn diện về tinh thần và thể chất của các cháu. Chị L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/01 cháu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, tuy nhiên do Chị L trình bày anh U nghề nghiệp là làm vườn, tính chất không ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh U cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/01 cháu là phù hợp.

Về tài sản chung:

Chị L và anh U trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung

Về nợ chung:

Chị L và anh U trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về nợ chung

Về án phí:

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

*Đại diện Viện KSND huyện Châu Thành phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Các đương sự tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các Điều 53,56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị L về việc xin ly hôn với anh U, về con chung giao cháu P và P1 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh U cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/01 cháu,về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết do không yêu cầu. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L: cho anh Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn U

- Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Đình P sinh năm 2002 và Nguyễn Đình P1 sinh năm 2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Văn U cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/01 cháu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí : Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị L đã nộp theo biên lai thu số 01074 ngày 22/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên xem như Chị L đã nộp xong án phí.

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.Anh U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Quốc Tường

* *Nơi nhận*:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- UBND xã Bình Trưng, Châu Thành
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.